Số: 140/2026/QĐ-UBND; 20/08/2026; 15:38:54;

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 140/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, làng (gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố (gọi chung là tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân cấp xã (xã, phường, đặc khu), thôn, tổ dân phố.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

Thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, ngoài việc thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ còn phải bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chấp hành sự quản lý nhà nước của chính quyền cấp xã; bảo đảm tính ổn định, kế thừa và phát triển trong tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức quản trị ở cơ sở.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn; tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Ngoài chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 5. Hoạt động của thôn, tổ dân phố

Hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Các hình thức hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị của cộng đồng dân cư được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào thời gian cuối năm. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm triệu tập, chủ trì hội nghị. Thành phần tham dự hội nghị là đại diện của toàn thể các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

2. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình để Nhân dân bàn và quyết định theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

4. Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 7. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và theo Đề án số 10-ĐA/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện mô hình "Dân tin - Đảng cử" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 8. Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và việc lựa chọn, cho thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15 và thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Trong trường hợp thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, hoặc trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

3. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố là chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố việc lựa chọn, cho thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 9. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 10. Nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 6 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; thay mặt Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố điều hành, giải quyết công việc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; đồng thời cùng với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Điều 11. Quyền hạn và mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Quyền hạn của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố: Điều hành, giải quyết công việc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; được tham dự cuộc họp của chính quyền cấp xã khi được mời hoặc được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc quản lý về hoạt động của thôn, tổ dân phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

3. Mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

a) Chịu sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở thôn, tổ dân phố và cấp ủy, đồng thời chịu sự quản lý, chỉ đạo hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

b) Phối hợp chặt chẽ với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn nhằm tổ chức cho nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Trung ương, địa phương đóng trên địa bàn; các thôn, tổ dân phố trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã và các xã, phường, đặc khu liền kề để thực hiện tốt công tác tự quản ở thôn, tổ dân phố mình.

Điều 12. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, được hưởng phụ cấp hàng tháng; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố là người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng. Mức phụ cấp, mức hỗ trợ hàng tháng và các chế độ, chính sách khác (nếu có) do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật; hoặc xem xét cho thôi trong trường hợp không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức độ bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khi có ít nhất 50% tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

Điều 13. Kinh phí tổ chức bầu, cho thôi làm nhiệm vụ

Kinh phí tổ chức bầu, cho thôi làm nhiệm vụ đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo theo quy định.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan được sửa đổi, bổ sung thay thế thì áp dụng theo các quy định của văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Điều 15. Trách nhiệm thực hiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này.

2. Quản lý, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ đạo điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định tại Quy chế này.

3. Định kỳ tháng 10 hàng năm, báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn về Sở Nội vụ.

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện của các cơ quan có liên quan

1. Sở Nội vụ: Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hàng năm báo cáo việc thực hiện Quy chế cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Sở Tài chính: Hằng năm trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổng hợp tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước ở thôn và tổ dân phố; hàng năm đánh giá kết quả thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Nội vụ)*.

4. Các Sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cấp, các ngành báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Nội vụ)* để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.